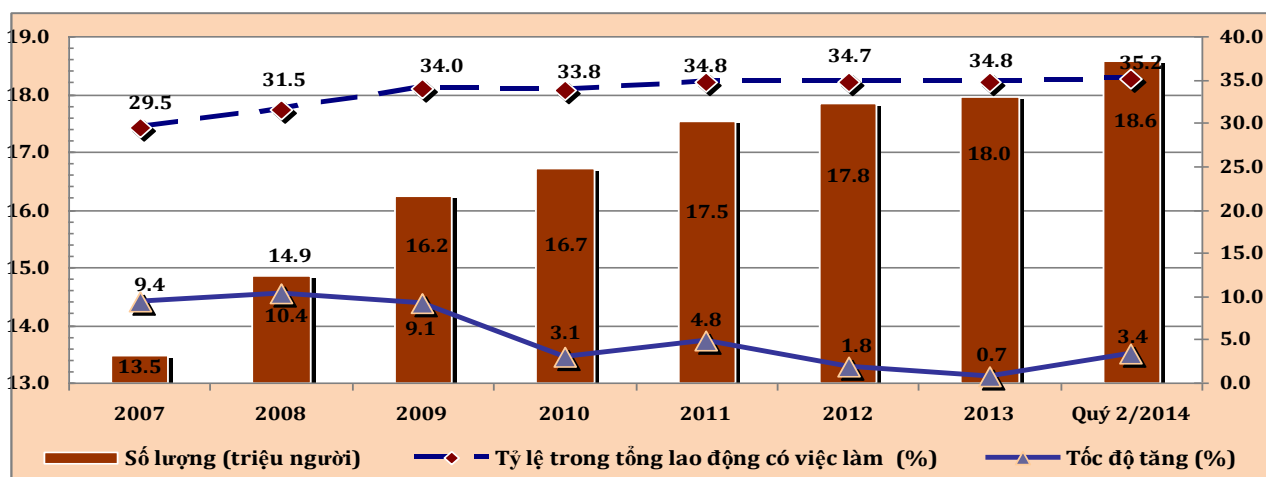


LAO ĐỘNG LÀM CÔNG ĂN LƯƠNG

Tăng cường chất lượng, sử dụng hiệu quả và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của lao động làm công ăn lương là cơ sở phát triển thị trường lao động Việt Nam

Qua gần 30 năm Đổi Mới, thị trường lao động (TTLĐ) ở Việt Nam từng bước được hình thành và phát triển theo cơ chế thị trường. Lực lượng lao động (LLLĐ) làm công ăn lương cũng gia tăng nhanh chóng; TTLĐ làm công ăn lương dần trở thành hàn thử biểu phản ánh "sức khỏe" của nền kinh tế. Tuy vậy, đến nay LLLĐ làm công ăn lương mới chiếm 1/3 tổng LLLĐ có việc làm. Không chỉ vậy, một mặt thì tốc độ tăng lao động làm công ăn lương đã chậm lại trong những năm gần đây do tác động của suy giảm tăng trưởng kinh tế và mặt khác, chất lượng của TTLĐ làm công ăn lương hiện nay cũng còn nhiều vấn đề cần được cải thiện.

Đồ thị 1. Số lượng, tỷ lệ và tốc độ tăng lao động làm công ăn lương, giai đoạn 2007-2014



Nguồn: TCTK, Điều tra Lao động – việc làm hằng năm, 2007-2014

Đặc điểm lao động làm công ăn lương.

Lao động làm công ăn lương là người làm việc cho người sử dụng lao động ở khu vực Nhà nước hay khu vực tư nhân và nhận thù lao bằng tiền lương, tiền công, hoa hồng, hiện vật, ... (ILO, 2002). Lao động làm công ăn lương (làm việc trong khu vực có quan hệ lao động) được thừa nhận là bộ phận lao động ưu tú, có trình độ, số đông ở độ tuổi trưởng thành và chủ yếu làm việc trong ngành công nghiệp, dịch vụ nơi có năng suất lao động và các tiêu chuẩn lao động được đảm bảo hơn. Ở Việt Nam, tổng số lao động làm công ăn lương đạt gần 18 triệu người vào năm 2013, trong đó 38,3% có bằng cấp/chứng chỉ (tỷ lệ này của cả nước là 17,9%); 79,9% ở độ tuổi

trưởng thành (tỷ lệ này của cả nước là 77,8%); 46% làm việc trong ngành công nghiệp (tỷ lệ này của cả nước là 21,2%) và 44% làm trong ngành dịch vụ (tỷ lệ này của cả nước là 32%).

Vì những đặc điểm này, quy mô và tỷ lệ LLLĐ làm công ăn lương phản ánh mức độ phát triển của TTLĐ và động thái của TTLĐ làm công ăn lương là tấm gương phản chiếu động thái của nền kinh tế, nhất là trong bối cảnh suy giảm tăng trưởng kinh tế.

Xu hướng việc làm của lao động làm công ăn lương phản chiếu "sức khỏe" của nền kinh tế. Trước khi chịu tác động của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu (năm 2008) và những bất ổn kinh tế vĩ mô trong nước bộc phát (năm

2009), LLLĐ làm công ăn lương ở Việt Nam gia tăng nhanh chóng. Năm 1997, tỷ lệ lao động làm công ăn lương mới chiếm 18,6% LLLĐ có việc làm, đã tăng lên 34% vào năm 2009.

Thời kỳ 2009-2014, tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế chậm lại thì tốc độ tăng tỷ lệ lao động làm công ăn lương cũng chậm theo. Năm 2013, lao động làm công ăn lương chỉ chiếm 34,8% LLLĐ có việc làm và đến thời điểm quý 2/2014 cũng chỉ là 35,2%.



Trong giai đoạn kinh tế khó khăn vừa qua, mỗi năm có 50-70 ngàn doanh nghiệp phải đóng cửa, phá sản. Một bộ phận trong số lao động bị mất việc làm (lao động thời vụ, lao động có hợp đồng ngắn hạn, trình độ chuyên môn kỹ thuật thấp) đã dịch chuyển sang khu vực hộ kinh doanh cá thể/cá nhân, làm tăng tỷ lệ lao động trong khu vực kinh tế này. Tỷ lệ lao động làm trong khu vực hộ kinh doanh cá thể/cá nhân trong tổng LLLĐ làm công ăn lương năm 2007 là 11,3%, đã tăng lên 12,8% năm 2009 và đạt 13% năm 2013. Họ trở nên dễ bị tổn thương hơn do việc làm và quan hệ lao động trong khu vực hộ kinh doanh cá thể/cá nhân còn thiếu các ràng buộc về mặt pháp lý và an sinh xã hội.

Đồng thời, tình trạng thiếu việc làm của lao động làm công ăn lương có dấu hiệu gia tăng¹. Năm 2012, tỷ lệ lao động làm công ăn lương thiếu việc làm là 1,8%, tăng lên 1,9% năm 2013. Đặc biệt, tình trạng thiếu việc làm phổ biến hơn ở nhóm lao động làm thuê cho hộ kinh doanh cá thể/cá nhân (5,9%). Năm 2013, cả nước có gần 341 nghìn lao động làm công ăn lương thiếu việc làm, trong đó lao động làm cho hộ kinh doanh cá thể/cá nhân chiếm 66,8%.

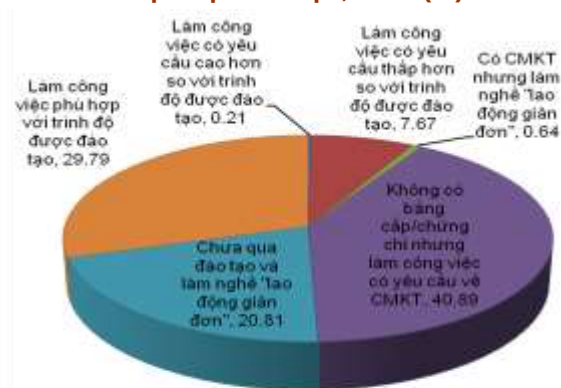
¹ Lao động thiếu việc làm là lao động làm việc dưới 35 giờ/tuần, có mong muốn và sẵn sàng làm thêm giờ.

Tình trạng nhiều lao động làm công ăn lương có thu nhập thấp phản ánh nền kinh tế còn ở công đoạn "hạ nguồn" của chuỗi giá trị.

Năm 2013, thu nhập bình quân của một lao động làm công ăn lương đạt 4,1 triệu đồng/tháng, tăng 16,8% so với năm 2012. Tuy vậy, có 4,3 triệu người (chiếm gần 1/4 tổng số lao động làm công ăn lương) chỉ đạt mức thu nhập dưới 2,4 triệu đồng/tháng (tương ứng 2/3 mức thu nhập trung vị), trong đó số lao động làm cho hộ kinh doanh cá thể/cá nhân có thu nhập thấp chiếm 65,8% và thường là làm những công việc không đòi hỏi nhiều về trình độ.

Bất cập giữa việc làm và đào tạo của lao động làm công ăn lương thể hiện sự mất cân đối cung-cầu lao động có chuyên môn kỹ thuật (CMKT) của TTLĐ Việt Nam. Năm 2013, trong tổng số gần 18 triệu lao động làm công ăn lương thì có 7,3 triệu người (chiếm 41%) không có bằng cấp/chứng chỉ đang làm những nghề đòi hỏi có CMKT và hơn 37 nghìn người (chiếm 0,2%) làm công việc cao hơn so với trình độ được đào tạo.

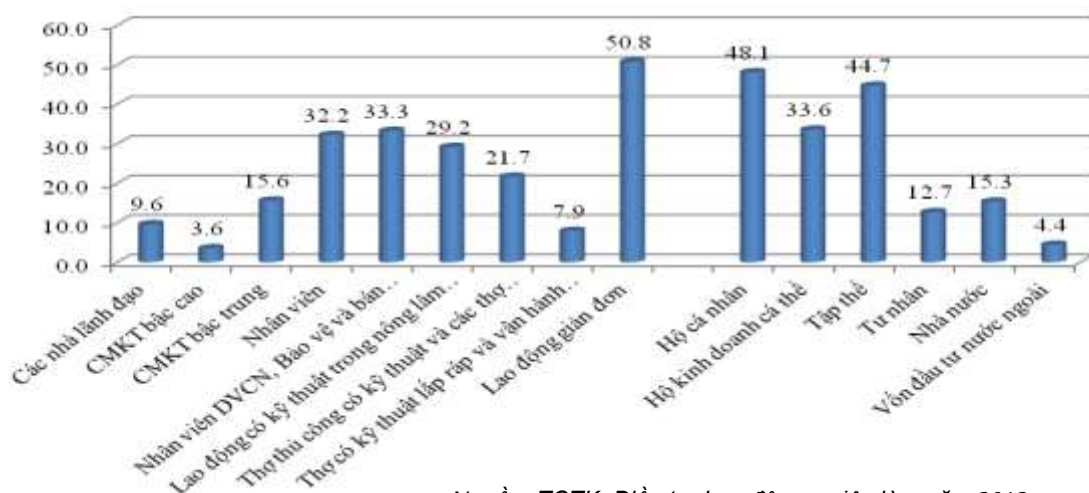
Đồ thị 2. Cơ cấu lao động làm công ăn lương theo mức độ phù hợp giữa việc làm và trình độ được đào tạo, 2013 (%)



Nguồn: TCTK, Điều tra Lao động – việc làm năm 2013

Ngược lại, tình trạng người lao động có trình độ đào tạo cao hơn so với yêu cầu công việc cũng khá phổ biến. Năm 2013, có 1,4 triệu người lao động làm công ăn lương (chiếm 7,7%) làm các công việc thấp hơn so với trình độ đào tạo của họ và có 115 nghìn người có CMKT (chiếm 0,6%) nhưng lại làm công việc của lao động giản đơn. Tình trạng méo mó của TTLĐ không chỉ dẫn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp mà còn là sự lãng phí trong đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp của Nhà nước và hộ gia đình.

Đồ thị 3. Tỷ lệ lao động làm công ăn lương có thu nhập thấp theo nghề và hình thức sở hữu, 2013



Nguồn: TCTK, Điều tra Lao động – việc làm năm 2013

Không có hợp đồng lao động bằng văn bản (HĐLĐ) với người sử dụng lao động là nguyên nhân đẩy lao động làm công ăn lương vào tình cảnh dễ bị tổn thương. Năm 2013, gần 40% số lao động làm công ăn lương chưa được ký kết HĐLĐ. Họ gần như vẫn nằm ngoài sự bảo vệ của pháp luật lao động và ít có cơ hội tiếp cận và thụ hưởng các chính sách an sinh xã hội.

Kết quả đánh giá nhanh tác động của suy giảm tăng trưởng kinh tế đến việc làm của người lao động trong ngành xây dựng, bán lẻ cho thấy² hầu hết lao động bị mất việc đều không có HĐLĐ hoặc chỉ ký kết HĐLĐ ngắn hạn với chủ doanh nghiệp. Do vậy, khi bị mất việc làm, nhiều người trong số họ không được nhận các chế độ bồi thường mất việc và cũng bởi không tham gia các chính sách an sinh xã hội nên họ cũng không được hưởng các chế độ trợ cấp thất nghiệp và bảo hiểm y tế (trong trường hợp ốm đau).

Mức độ tuân thủ pháp luật về bảo hiểm



² MOLISA, United Nation Vietnam, Báo cáo RIM 2013: Đánh giá tác động của suy giảm tăng trưởng kinh tế đến việc làm và vai trò của hệ thống an sinh xã hội

thất nghiệp, BHYT của người sử dụng lao động chưa cao, gây thiệt thòi cho người lao động. Năm 2013, có 8,9 triệu người có bảo hiểm thất nghiệp, chiếm 49,2% trong tổng số gần 18 triệu lao động làm công ăn lương và chiếm 85% trong tổng số lao động có ký kết HĐLĐ. Do nhiều lao động trong khu vực kinh tế ngoài nhà nước không được ký kết HĐLĐ (hoặc chỉ có HĐLĐ ngắn hạn) và tình trạng doanh nghiệp trốn đóng, nợ bảo hiểm xã hội (BHXH) vẫn còn phổ biến, nên tỷ lệ tham gia bảo hiểm thất nghiệp ở khu vực kinh tế này rất thấp. Chưa đến 1% số lao động làm cho khu vực hộ kinh doanh cá thể/cá nhân, 58% lao động làm cho khu vực doanh nghiệp tư nhân chưa tham gia bảo hiểm thất nghiệp. Tương tự, độ bao phủ của BHYT cũng thấp, chỉ có 50,6% số lao động làm công ăn lương có BHYT (trong khi BHYT hiện đã bao phủ 70% dân số toàn quốc).

Hiện cả nước có trên 300 ngàn doanh nghiệp đang hoạt động nhưng cơ quan bảo hiểm xã hội chỉ quản lý được gần 150 ngàn doanh nghiệp đăng ký tham gia BHXH. Như vậy, còn 50% số doanh nghiệp trốn đóng BHXH.

Các tranh chấp về lao động giảm phản ánh những khó khăn trong nỗ lực duy trì việc làm hơn là những cải thiện về quan hệ lao động. Năm 2013, có 355 vụ đình công, giảm 60% so với năm 2011. Trong đó, gần 70% số vụ xảy ra ở các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có sử dụng nhiều lao động giản đơn trong ngành công nghiệp chế biến (dệt may, da giày, chế biến gỗ, điện tử). Số vụ đình công giảm nhưng hầu hết vẫn diễn ra không theo đúng trình tự quy định của

pháp luật cho thấy bức tranh về quan hệ lao động chưa thực sự được cải thiện, trong đó vai trò của nhiều tổ chức công đoàn cơ sở trong đàm phán, thương lượng với chủ doanh nghiệp và đấu tranh bảo vệ quyền lợi chính đáng cho người lao động vẫn còn hạn chế.

HÀM Ý CHÍNH SÁCH

TTLĐ làm công ăn lương là phân lớp TTLĐ phát triển và tiến bộ hơn so với các lớp TTLĐ khác (nông dân, lao động tự tạo việc làm trong khu vực phi chính thức). Những động thái, thay đổi của nền kinh tế luôn tác động nhanh và trực tiếp đến LLLĐ này. Trong những năm tới đây, với những cải cách kinh tế vĩ mô và tiếp tục hội nhập quốc tế, nền kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ phát triển có chất lượng hơn; tốc độ tăng trưởng kỳ vọng sẽ đạt được mức như thời kỳ trước năm 2008. Do vậy, quy mô và tỷ lệ LLLĐ làm công ăn lương sẽ tăng nhanh. Điều này đòi hỏi hệ thống pháp luật, chính sách về lao động và an sinh xã hội phải tiếp tục được sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện, tạo môi trường thuận lợi cho TTLĐ làm công ăn lương mở rộng và phát triển; đồng thời, nâng cao hiệu quả thực thi chính sách và bảo vệ kịp thời các quyền và lợi ích chính đáng của LLLĐ ưu tú này.

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật pháp và chính sách thuộc lĩnh vực lao động và an sinh xã hội, trong đó sớm ban hành luật an toàn vệ sinh lao động, luật tiền lương tối thiểu; *đặc biệt, khẩn trương ban hành các văn bản cần thiết trong hướng dẫn thực hiện Luật Lao động sửa đổi 2012, Luật giáo dục nghề nghiệp 2014, Luật Bảo hiểm xã hội sửa đổi 2014*, để làm cơ sở thiết kế và tổ chức thực hiện các chương trình thị trường lao động chủ động và thụ động đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế.

Thứ hai, trên cơ sở các luật và văn bản dưới luật đã ban hành, xây dựng và triển khai các đề án/chương trình phát triển thị trường lao động, trong đó ưu tiên nâng cao chất lượng đào tạo và dạy nghề, phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động gồm cả hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu về TTLĐ (cung, cầu lao động và dữ liệu về các giao dịch trên TTLĐ, điều kiện lao động, tiền lương, v.v...) và hỗ trợ người lao động làm công ăn lương có thu nhập thấp, lao động mất việc làm để họ có đủ năng lực tham gia các chính sách an sinh xã hội, trong đó đặc biệt chú ý đến nhóm lao

động làm cho hộ kinh doanh cá thể/cá nhân và doanh nghiệp tư nhân.

Thứ ba, nghiên cứu và đánh giá thực trạng chất lượng hoạt động của tổ chức công đoàn cơ sở cấp doanh nghiệp nhằm tìm ra giải pháp phát triển quan hệ lao động hài hòa, thực hiện đối thoại và đàm phán thực chất nhằm giảm thiểu tình trạng đình công, lãn công của người lao động.

Thứ tư, nâng cao hiệu quả hoạt động thanh tra, giám sát tình hình tuân thủ pháp luật về lao động và an sinh xã hội của các chủ doanh nghiệp, đặc biệt là về vấn đề tiền lương, điều kiện làm việc và đóng BHXH cho người lao động.

Thứ năm, tăng cường và đa dạng hóa các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chính sách và pháp luật về lao động và an sinh xã hội nhằm nâng cao nhận thức và mức độ tuân thủ chính sách, pháp luật của người lao động, doanh nghiệp và các đối tác xã hội.

VIỆN KHOA HỌC LAO ĐỘNG VÀ XÃ HỘI
Để biết thêm thông tin chi tiết xin liên hệ:

Điện thoại: 04-39367155

Website: www.ilssa.org.vn